

TRAO ĐỔI

NHỮNG BÀI HỌC THUỘC LÒNG, MỘT THỨ VĂN CHƯƠNG TIỂU HỌC CỦA MIỀN NAM TRƯỚC ĐÂY

Trần Văn Chánh*

Dân miền Nam, ở lứa tuổi xấp xỉ hàng sáu như chúng tôi, cứ mỗi lần bạn bè tụ họp trà dư tửu hậu thì thường trao đổi với nhau về đủ thứ chuyện trên đời. Nếu có ôn lại quãng đời đi học xa xưa, thì lại thường hay nhắc đến thầy, bạn cũ..., với những kỷ niệm khó quên của tuổi học trò. Chúng tôi còn nhắc lại đến cả những bài tập đọc, học thuộc lòng đã được học cách nay chừng bốn, năm mươi năm về trước...

Thậm chí, có người còn thuộc hết cả một bài học thuộc lòng dài, đọc ron rót từ đầu đến cuối, như bài “Tình nhân loại”, được học vào khoảng những năm cuối thập niên 50 của thế kỷ trước:

Tình nhân loại

*Sau một trận giao tranh ác liệt,
Giữa sa trường xác chết ngổn ngang.
Có hai chiến sĩ bị thương,
Hai người hai nước hiện đương nghịch thù.
Họ đau đớn khừ khừ rên siết,
Vận sức tàn cố lết gần nhau.
Phều phào găng nói vài câu,
Lời tuy không hiểu, hiểu nhau nỗi lòng:
Họ hai kẻ không cùng Tổ quốc,
Nhưng đã cùng vì nước hy sinh.
Cả hai ôm ấp mối tình,
Yêu thương đất nước, gia đình, quê hương.
Đêm dần xuống, chiến trường sương phủ,
Một thương binh hơi thở yếu dần.
Trước khi nhắm mắt từ trần,
Xót thương người bạn tấm thân lạnh lùng.
Anh cởi áo đắp trùm lên bạn,
Rồi tắt hơi! thê thảm làm sao!
Cho hay khác nghĩa đồng bào,
Nhưng tình nhân loại còn cao hơn nhiều!
Đặng Duy Chiểu
(Quốc văn mới)*

* Thành phố Hồ Chí Minh.

Nghe xong bài này ai cũng kính nể trí nhớ tốt của người bạn, và đều tấm tắc khen hay. Tuy nhiên, hỏi tác giả của những bài học thuộc lòng cảm động và lý thú như trên thì không ai còn nhớ, chỉ biết lẽ mờ nó nằm đâu đó trong những sách Quốc văn mà mình đã từng học qua hồi tiểu học.

Qua câu chuyện trà dư tửu hậu, tôi sực nghĩ những bài học thuộc lòng như thế, nằm rải rác trong các sách Quốc văn tiểu học giai đoạn 60-70 của thế kỷ trước, thuộc thế hệ tiếp sau *Quốc văn giáo khoa thư* của nhóm Trần Trọng Kim-Đỗ Thận... biên soạn (dạy trong những năm 40-50 mà gần đây Nxb Trẻ và vài nhà xuất bản khác có in lại), dường như là một kho tàng quý báu đang bị bỏ quên, chứ không đơn giản như người ta thường có thể tưởng. Nếu nay thu thập lại, chắc sẽ tìm thấy trong đó nhiều điều vẫn còn hứng thú và bổ ích, nhất là về phương pháp sư phạm, gắn với việc đào tạo con người toàn diện cả về đức lẫn tài.

Nghĩ vậy rồi, tôi nhấn nhe tìm tòi khắp nơi, gọi điện cho những bạn cùng trang lứa hoặc già hơn mà có quan tâm chuyện sách vở, để tìm lại cho được những cuốn Quốc văn tiểu học của một thời, nhưng kết quả gần như là một sự thất vọng. Thử tra tìm trên thư mục (phần lớn đã được số hóa đưa lên mạng internet) của một số thư viện lớn (như Thư viện Quốc gia Hà Nội, Thư viện Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Thư viện Khoa học xã hội TP Hồ Chí Minh, Thư viện Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn TP Hồ Chí Minh, Thư viện Trường Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh...), cũng không thấy. Cuối cùng, nhờ kiên nhẫn lục tìm lai rai trong các hiệu sách cũ ở Sài Gòn, trong tay tôi hiện chỉ vồn vện có được chừng 10 quyển lớn nhỏ đủ cỡ, từ lớp Năm (tương đương lớp 1 bây giờ) đến lớp Nhất (tức lớp 5), của một số soạn giả quen thuộc như Hà Mai Anh, Nguyễn Hữu Bổng, Bùi Văn Bảo, Đặng Duy Chiếu, Thêm Văn Đất, Cao Văn Thái..., nhưng hầu hết đều đã rách bìa, mất từ vài trang đến vài chục trang ở đầu hoặc ở cuối sách. Chỉ còn được 3 quyển nguyên vẹn nhưng chưa được vừa ý lắm, vì lẽ mẻ không đủ bộ. May sao, trong Thư viện Khoa học xã hội TP Hồ Chí Minh (tiền thân là thư viện của Viện Khảo cổ Sài Gòn) hiện vẫn còn lưu trữ tương đối đủ bộ *Tiểu học nguyệt san* (từ năm 1957 đến năm 1963) do Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn chủ biên để cung cấp tài liệu giảng dạy cho giáo viên bậc tiểu học, mà trong đó có sưu tập và chép lại khá đầy đủ những bài tập đọc, học thuộc lòng..., tương tự như những bài đã có trong các sách Quốc văn tiểu học của thời đó.

Như chúng ta đều biết, sau Hiệp định Genève năm 1954, đất nước tạm thời chia đôi ở vĩ tuyến 17, thành hai miền Nam, Bắc. Miền Bắc, qua 2 lần cải cách giáo dục vào các năm 1950 và 1956, đã xây dựng một nền giáo dục kết hợp chuyên môn với chính trị (vừa hồng vừa chuyên), lấy chủ nghĩa Mác-Lênin làm nền tảng, định hướng giáo dục vào hai mục tiêu: chuẩn bị tiến lên CNXH và xây dựng miền Bắc thành hậu phương vững mạnh chi viện cho công cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam. Trong khi đó, miền

Nam, trong giai đoạn 1955-1963, chỉ thực hiện cải cách giáo dục theo hướng cải lương chủ nghĩa, bằng cách kế thừa và phát huy những truyền thống, lễ lối và nội dung đã có trong chương trình giáo dục Việt Nam cũ ban hành năm 1945 mà ta quen gọi là chương trình Hoàng Xuân Hãn (vì do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Mỹ thuật Hoàng Xuân Hãn chủ trì biên soạn).

Năm 1958, dưới thời Bộ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Trần Hữu Thế, Đại hội Giáo dục Quốc gia (lần I) nhóm họp tại Sài Gòn, đã định hướng triết lý giáo dục dựa trên ba nguyên tắc căn bản: **nhân bản, dân tộc và khai phóng**. Ba nguyên tắc này đã trở thành nền tảng cho triết lý giáo dục, được ghi cụ thể trong tập tài liệu *Những nguyên tắc căn bản* do Bộ Quốc gia Giáo dục Sài Gòn ấn hành năm 1959 và sau đó trong Hiến pháp 1967. Chương trình môn Quốc văn cấp tiểu học vì thế có thể nói vẫn lấy những nội dung giáo dục thiên về đạo đức chứa đựng trong bộ sách *Quốc văn giáo khoa thư* và *Luân lý giáo khoa thư* của nhóm Trần Trọng Kim biên soạn làm cơ sở rồi cải cách, thêm bớt một số nội dung mới cho phù hợp với hoàn cảnh và thời đại lúc đó.

Tinh thần chung của nền học vấn miền Nam lúc bấy giờ là phải học lễ trước rồi mới học văn sau, tức coi việc rèn luyện đức-trí là quan trọng như nhau, nhưng đức phải đi trước một bước, nên trường học nào vào thời đó cũng có câu khẩu hiệu “Tiên học lễ, hậu học văn” treo ở những vị trí quan trọng dễ thấy nhất và trong mỗi phòng học. Tinh thần trọng lễ nhờ thế không chỉ bàng bạc, quán xuyến trong tâm tưởng, đầu óc của mọi giáo chức từ tiểu học đến đại học, mà còn lan tỏa rộng khắp vào trong mọi giai tầng xã hội, tạo thành một phong khí học tập-ứng xử chú trọng rèn luyện cả đức lẫn tài để chuẩn bị điều kiện đầy đủ cho thế hệ tương lai trở thành những con người hữu dụng đối với bản thân, gia đình và xã hội.

Cho nên có thể nói, nội dung đạo đức hàm chứa trong các sách Quốc văn tiểu học thời kỳ này ở miền Nam là vẫn duy trì nhưng có phát huy thêm và cải biên từ những bộ sách giáo khoa cũ thế hệ 1940, khá đúng với tinh thần đã được ghi trong câu nói của Khổng Tử mà cụ Trần Trọng Kim đã trích dẫn để in lên đầu quyển *Sơ học luân lý* (1914, có tài liệu nói 1919), vốn là cơ sở chỉ đạo tư tưởng của nền giáo dục cũ và sách giáo khoa môn Văn thời trước: “Người học trò ở trong nhà thì hiếu với cha mẹ, ra ngoài thì kính nhường kẻ bề trên, làm việc gì thì cẩn thận, nói điều gì thì tín, rộng lòng thương người mà lại thân với kẻ có nhân. Hễ làm được những điều ấy rồi, mà còn thừa sức thì hãy học văn chương xảo kỹ” [*Luận ngữ*, thiên “Học nhi” đệ nhất], (xem *Sơ học luân lý*, Nxb Tân Việt, in lần thứ 2, 1950).

*

* *

Về sách giáo khoa Quốc văn tiểu học, để phục vụ cho những mục tiêu như trên, thông thường các giáo chức lớp trước ở miền Nam khi biên soạn



Ảnh bìa sách
Việt ngữ lớp Bốn
của Nhóm biên
soạn Lửa Việt
(Nxb Cảnh Hồng,
Sài Gòn, 1974).

thì soạn luôn nguyên cả bộ từ lớp Năm (lớp 1) đến lớp Nhất (lớp 5), và ở trang bìa giả sách thường có đề câu “Soạn theo chương trình hiện hành của Bộ Quốc gia Giáo dục”, hoặc thậm chí còn nêu rõ hơn: “Soạn đúng chương trình tiểu học đã sửa đổi do Nghị định số... ngày... của Bộ Quốc gia Giáo dục”. Sách của họ thường mang những tên khác nhau như *Việt văn toàn thư*, *Quốc văn toàn thư*, *Quốc văn toàn tập*, *Tiểu học quốc văn*, *Quốc văn mới*, *Quốc văn bộ mới*, *Quốc văn độc bản*, *Việt văn khóa bản*, *Việt văn tân khóa bản*, *Tân Việt văn*, *Việt ngữ*, *Việt ngữ độc bản*, *Việt ngữ bộ mới*... Chuyên xuất bản loại sách này, được biết có một số nhà xuất bản (hoặc nhà in) nổi tiếng như Nam Hưng ấn quán, Sống Mới, Nam Sơn, Việt Hương, Cảnh Hồng...

Thời đó, khi trích giảng các bài thơ để làm bài học thuộc lòng, các nhà biên soạn sách tiểu học dường như không mấy chú trọng việc ghi tên tác giả, nên họ thường chỉ ghi sơ sài tên người sáng tác, một đôi khi mới ghi thêm xuất xứ cho biết trích dẫn từ sách báo nào. Một số trường hợp chỉ ghi tượng trưng X., XXX., H.H., không rõ bút hiệu hoặc tên thật là gì. Cũng không phân biệt tác giả những bài thơ là người đang sống và phục vụ trong chế độ nào, mà hễ thấy hay, bổ ích là chọn.

Theo chỗ chúng tôi được biết, ngoài những bài trích dẫn tác phẩm của một số nhà văn-nhà thơ cổ điển hoặc hiện đại đã nổi tiếng (như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Chu Mạnh Trinh, Tản Đà, Nguyễn Văn Vĩnh, Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, Á Nam Trần Tuấn Khải, Nguyễn Nhược Pháp, Vũ Hoàng Chương, Kiên Giang, Tế Hanh, Anh Thơ, Đoàn Văn Cừ, Bàng Bá Lân...), một số soạn giả sách giáo khoa đã tự mình sáng tác luôn những bài thơ theo chủ đề giảng dạy để làm bài học thuộc lòng, như trường

hợp nhà giáo Bùi Văn Bảo với bút hiệu Bảo Vân thường thấy xuất hiện trong những sách giáo khoa Việt văn tiểu học do ông biên soạn. Một vài tác giả khác, như Kinh Dương, Chiêu Đăng, Như Tuyết, Thy Thy, Đề Quyền... dường như cũng gốc thầy cô giáo, chuyên sáng tác thơ cho bài học thuộc lòng. Phần còn lại là thơ của một số người làm thơ nghiệp dư, có bài đăng rải rác đâu đó trên một số báo, tạp chí đương thời, được các nhà biên soạn sách giáo khoa chọn đưa vào sách của mình.

Chỉ cần tôn trọng chương trình và lời hướng dẫn do Bộ Giáo dục vạch ra một cách tổng quát, các tác giả sách giáo khoa được tự do chọn bài để đưa vào sách, và giáo viên đứng lớp cũng có quyền chọn quyển sách giáo khoa nào mình ưa thích để giảng dạy. Nhờ vậy, nội dung sách giáo khoa phong phú, tuy vẫn có những nét chung nhưng mỗi người một vẻ, và trong điều kiện được tự do như thế, các giáo chức soạn sách cũng cố thi đua cạnh tranh nhau một cách tự giác để soạn ra những sách giáo khoa được nhiều người vừa ý, chấp nhận. Phần thưởng xứng đáng của họ là sách được nhiều người tin dùng, chứ không phải những mảnh bằng khen của nhà nước.

Bộ Giáo dục chỉ khuyến cáo các giáo viên bằng lời chỉ dẫn chung, như về Việt ngữ thì có nêu rõ: *“Trong lúc dạy Việt ngữ, giáo chức nên nhớ rằng chương trình ấy không phải đứng tách hẳn chương trình của các môn học khác như đức dục, công dân giáo dục, sử ký, địa lý v.v... mà phải cố tìm cách cho chương trình các môn học ấy và khoa Việt ngữ có liên lạc với nhau (...). Đặc biệt chú ý về Việt ngữ: nên nhẹ về phần tâm chương trích cú, nghệ thuật vị nghệ thuật, và phải chú ý đề cao vấn đề nghệ thuật vị nhân sinh (phục vụ cho đạo đức con người, cho hạnh phúc gia đình, cho an ninh xã hội, cho độc lập, tự do)”*.

Chương trình Việt ngữ tiểu học thời đó, thông thường gồm các phân môn sau:

- Ngữ vựng;
- Tập đọc và Học thuộc lòng;
- Chính tả, Văn phạm (chỉ dạy ở lớp Nhì và lớp Nhất, tức lớp 4 và lớp 5), Tập viết;
- Tập làm văn (chỉ không dạy ở lớp Năm tức lớp 1).

Môn Quốc văn rất được coi trọng, chẳng hạn lớp Năm (đến năm 1967 đổi gọi là lớp 1, tương đương với lớp 1 bây giờ), mỗi tuần học 25 giờ, trong đó đã có tới 9 giờ rưỡi dành cho môn này. Riêng về phân môn Học thuộc lòng, mỗi tuần học sinh từ lớp Năm (lớp 1) đến lớp Nhất (lớp 5) đều có bài học.

Chủ đề (hay chủ điểm) các bài Học thuộc lòng luôn đi theo chủ đề của các bài Tập đọc. Về tiêu chuẩn lựa chọn thì tuy có sự khác nhau chút ít tùy soạn giả hoặc tùy cấp lớp nhưng đều có thể hiểu đại khái: *“Về bài Tập đọc*

và Học thuộc lòng, bài soạn nào cũng đi sát với chương trình cùng trình độ của học sinh theo những chủ điểm có liên quan tới nhiều môn khác” (Thềm Văn Đất-Huỳnh Hữu Thanh, *Việt ngữ bộ mới lớp Nhứt*, “Lời nói đầu”, Nxb Nam Sơn, in lần thứ 6). Hoặc: “Về học thuộc lòng, chúng tôi chú trọng lựa chọn những bài văn vẫn có tính cách kích thích lòng yêu nước và tinh thần tranh đấu của nhân dân” (Đặng Duy Chiếu và một nhóm giáo viên, *Quốc văn toàn thư lớp Nhì*, “Lời nói đầu”, Nxb Sống Mới, 1959). Có soạn giả còn nêu rõ hơn: “Về văn vẫn dùng làm các bài Học thuộc lòng, chúng tôi đã hợp tác cùng một số thi sĩ để soạn riêng những văn thơ trong sáng, dễ hiểu, giàu nhạc điệu cho thích hợp với các em hơn” (Bùi Văn Bảo, *Tân Việt văn lớp Năm* (lớp Nhứt cũ), “Lời nói đầu”, Nxb Sống Mới, 1971)...

Khảo sát một số sách giáo khoa cũ còn tìm được, cũng như bộ *Tiểu học nguyệt san* do Bộ Giáo dục thời đó ấn hành, chúng ta thấy về **hình thức**, hầu hết chúng đều là những bài thơ lục bát, song thất lục bát hoặc thơ mới (với mỗi câu 8 chữ, 7 chữ, hoặc số chữ trong các câu không đều nhau), ít khi có thơ luật (với niêm luật chặt chẽ kiểu Đường luật), trừ một vài bài trích dẫn từ thơ cổ của người xưa như của Tản Đà, Nguyễn Khuyến...

Dân tộc Việt Nam sinh thơ, có truyền thống về khối ca dao khổng lồ và thơ lục bát, nên ngay cả trong lĩnh vực tuyên truyền, giáo dục cũng có thói quen sử dụng văn vần. Nhờ có vần điệu dễ nhớ dễ thuộc, những bài thơ như thế không chỉ được dùng để kêu gọi, thức tỉnh đồng bào về một việc gì đó mà còn thường được áp dụng trong những bài học về đạo đức, hoặc để phổ biến kiến văn đủ loại. Nếu đem so sánh những bài thơ học thuộc lòng trong các sách Quốc văn tiểu học giai đoạn 1954-1975 với *Nhị thập tứ hiếu*, *Gia huấn ca*, *Đại Nam quốc sử diễn ca* (giữa thế kỷ 19), với những bài thơ răn dạy đạo đức in trong bộ *Thông loại khóa trình* của nhóm Trương Vĩnh Ký (nửa sau thế kỷ 19), hoặc với những bài ca cổ động phong trào Duy Tân in trong tập *Quốc dân tập độc* (năm 1907, đầu thế kỷ 20) của nhóm Đông Kinh Nghĩa Thục (xem *Thơ văn Đông Kinh Nghĩa Thục*, Nxb Văn hóa, 1997), chúng ta sẽ thấy rất rõ giữa chúng với nhau là “nhất mạch tương thừa”.

Thử dẫn vài đoạn thơ như sau trong *Quốc dân tập độc*, sẽ chứng minh được hầu hết những bài thơ học thuộc lòng sưu tập lại từ các sách Quốc văn tiểu học nói trên là có cùng một “giọng”, chung một phong cách:

Đáng làm trai sinh trong trời đất,
Phải sao cho rõ mặt non sông.
Kìa kìa mấy bậc anh hùng,
Cũng vì thừa trước học không sai đường.
Cuộc hoàn hải liệt cường tranh cạnh,
Mở trí dân giàu mạnh biết bao.
Nước ta học vấn thế nào,
Chẳng lo bỏ đại nhẽ nào được khôn.

*Chữ quốc ngữ là hồn trong nước,
Phải đem ra tính trước dân ta,
Sách các nước sách Chi na,
Chữ nào nghĩa ấy dịch ra tỏ tường.*

.....

(“Bài hát khuyên học chữ quốc ngữ”, sđd, tr. 110)

Hoặc:

*Nước Nam ta từ đời Hồng Lạc,
Mấy nghìn năm khai thác đến nay,
Á Châu riêng một cõi này,
Giống vàng ta vẫn xưa nay một loài.*

.....

(“Bài hát yêu nước”, sđd, tr. 111)

Hoặc:

*Đạo vệ sinh phải nên biết trước,
Nghĩ rượu men là chất độc người.
Xin ai chớ lấy làm chơi,
Rượu ngon cấm tiệt nhớ lời Hạ vương.*

.....

(“Bài hát răn người uống rượu”, sđd, tr. 135)

Để phổ biến kiến thức, các nhà Nho thuở trước dạy dân, cũng quen dùng cùng một thể loại văn vần, để giúp người học dễ thuộc nằm lòng:

*Năm châu quanh mặt địa cầu,
Á Châu lớn nhất, Mỹ Châu thứ nhì.
Châu Âu, châu Úc, châu Phi,
Mỗi châu mỗi giống sắc chia rành rành.*

.....

(“Bài hát kể đường đất nước ta”, sđd, tr. 115)

Về nội dung, những bài học thuộc lòng trong các sách Quốc văn tiểu học không kém phần phong phú, đa dạng. Đương nhiên chúng có tính hiện đại gần gũi với thời nay hơn so với các thế hệ trước, nhưng tựu trung vẫn chú trọng rèn luyện cho học sinh về nhân cách, đạo đức, óc cầu tiến, chí tiến thủ, niềm tin ở sự tiến bộ của khoa học, và nhất là lòng nhân ái, yêu thương-tôn trọng con người... Đa số bám theo những bài học luân lý, với những nội dung cụ thể được lặp đi lặp lại từ lớp tiểu học nhỏ nhất đến lớn nhất và thường xoay quanh một số chủ đề như:

- Bốn phận đối với bản thân như giữ vệ sinh cá nhân, rèn luyện thân thể, bồi dưỡng chí khí, óc mạo hiểm và những phẩm chất tốt đẹp khác, nhất là tính trung thực, thật thà... Việc rèn luyện phẩm đức phải đi đôi với quyết tâm từ bỏ các thói hư tật xấu...

- Khuyến học. Xác định động cơ học tập đơn giản “Ngày nay học tập ngày mai giúp đời”...

- Lòng hiếu kính trước hết đối với ông bà, cha mẹ rồi đến các bậc tôn trưởng khác: anh chị, bà con cô bác, thầy cô giáo, người già cả...

- Cổ vũ tình yêu quê hương xứ sở, từ đó ra sức góp phần xây dựng tổ quốc giàu mạnh; đề cao lòng tự hào dân tộc, ca ngợi anh hùng dân tộc, kêu gọi bảo vệ tổ quốc chống xâm lăng; ca ngợi quê hương giàu đẹp, các thuần phong mỹ tục, và đề cao giá trị tiếng mẹ đẻ...

- Tình dân tộc, nghĩa đồng bào.

- Lòng bác ái thương người yêu vật, tình đồng loại, đặc biệt tình cảm đối với tầng lớp lao động chân tay nghèo khổ và những người có hoàn cảnh khốn khó, cơ nhỡ.

- Ca ngợi giá trị-nét đẹp của lao động và lòng biết ơn những con người lao động, đặc biệt đối với dân quê cày ruộng và tầng lớp thợ thuyền, người buôn bán nhỏ và dân nghèo thành thị, từ em bé đánh giày đến người thợ hút tót, bác thợ mộc, thợ rèn...

- Các nghĩa vụ đối với tha nhân và với xã hội. Bỏ phận và quyền lợi công dân.

- Ca ngợi nếp sống thanh bần, đạm bạc, tri túc tiện túc; đề cao tinh thần trọng nghĩa khinh tài...

- Kinh nghiệm sống (qua một số bài thơ ngụ ngôn).

- Cổ vũ dùng hàng nội hóa, phát triển nông-công-thương nghiệp.

- Phổ biến tri thức khoa học phổ thông (về vũ trụ-thiên nhiên, máy móc, các phát minh...), đề cao tinh thần khoa học, phê phán óc mê tín dị đoan.

- Ước mơ có được cuộc sống thanh bình, ấm no, hạnh phúc.

(.....)

Ngày nay đọc lại những bài học thuộc lòng này, ngoài phần nội dung tư tưởng mang tính giáo dục hàm chứa bên trong ra, chúng còn giúp ta tái hiện được một cách sinh động hình ảnh năm, sáu mươi năm về trước của vùng đất Sài Gòn và một số tỉnh thành từ Cà Mau ra đến các tỉnh Trung Bộ, qua đó thấy rõ khung cảnh sinh hoạt muôn màu muôn vẻ của người dân từ nông thôn đến thành thị. Hình ảnh con trâu, cái cày, bác nông phu, anh công nhân, chị bán hàng xén, mái tranh vách đất đơn sơ ở nông thôn và các khu phố chợ tráng lệ ở thành thị... có lẽ được nhắc tới nhiều nhất, và thật cảm động, vì chúng phản ánh hoàn cảnh sống thật của đa số người dân Việt miền Nam trong bối cảnh chiến tranh và sự nghèo khổ, cũng như cho thấy trình độ phát triển về các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội một bộ phận phân ly của đất nước vừa thoát khỏi ách cai trị của chế độ thực dân cũ.

Đây là hình ảnh của người nông phu Việt Nam, thành phần dường như luôn được đề cập và đề cao nhiều nhất, trong hoàn cảnh một đất nước nông dân chiếm phần đa số và vì thế họ cũng có tư cách lẫn tính cách đại diện cho cả dân tộc ở một giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội nhất định:

*Đôi cánh tay rắn chắc,
Anh xới lúa vun dâu.
Mồ hôi rơi thấm đất,
Tình anh tràn ruộng sâu.
Tóc anh vương vấn gió chiều,
Hồn anh thấm lúa, lan vào hương quê.
Đôi trâu bạn bè,
Cuốc cày tri kỷ.
Khỏe làm mệt nghỉ,
Đời đẹp như thơ.
Lòng anh hòa với lũy tre,
Hòa trong lòng đất, đem về nguồn vui.
Cao Thành Nhân
(Tiểu học nguyệt san, tháng 1-2/1957)*

Một cách diễn tả khác, giản dị và thực tế hơn:

*Làm ăn từ sáng đến chiều,
Giữa trời bêu nắng như thiêu ngoài đồng.
Ruộng nương chẳng chịu bỏ không,
Hết mùa lúa thóc lại trồng bắp khoai.
Nghiep nhà gánh vác hai vai,
Chẳng chồn gót sắt, chẳng phai dạ vàng...
Nam Hương
(Trích Giáo khoa tạp chí)
(Tiểu học nguyệt san, tháng 7/1961)*

Nghề nông thời bấy giờ luôn được ca tụng không tiếc lời, như một nghề cao quý, nhưng bằng những lời lẽ chân thành, giản dị. Một hình thức khuyến nông qua văn chương với nghệ thuật sử dụng ngôn từ điêu luyện:

*Non cao cũng có đường leo,
Đường dẫu khó trèo, cũng có lối đi.
Cao nguyên đất tốt lo gì,
Cày cấy kịp thì, chồng vợ ấm no.
Đất màu giòng đậu, giòng ngô,
Đất lầy cấy lúa, đất khô làm vườn.
Nghề nông ra sức khuếch trương,
Cao nguyên phá rẫy, làm nương ven đồi...*

*Tưởng rằng đá rắn thì thôi,
Ai ngờ đá rắn nung vôi lại nóng.
Tưởng rằng đất núi gai, chông,
Ai ngờ đất núi cấy trồng nở hoa...*

Dân Việt

(Tiểu học nguyệt san, tháng 2/1958)

Mùa gặt hái đã được nhà thơ Bằng Bá Lân mô tả bằng một đoạn hoạt cảnh thật sinh động:

*Trời tang tảng, sương đao bay lớp lớp,
Cánh đồng quê mờ ngập khói sương mờ.
Từ cổng làng, từng bọn kéo nhau ra,
Tiếng quang hái, đòn cân va lách cách.
Họ vui vẻ đi nhanh trên đường đất,
Rồi tạt ngang, tản mát khắp đồng quê.
Họ dừng chân bên ruộng ướt sương khuya,
Lúa rạp rạp ngã, theo gió thổi...*

Bằng Bá Lân

(Tiểu học nguyệt san, số 5/1957)

Còn đây là giá trị của người công nhân, làm việc ngày đêm không nghỉ, không chỉ để lo cho bản thân, gia đình, mà còn vì nghĩa vụ chung phục vụ đồng loại:

*Em có biết, học sinh, em có biết,
Các tiện nghi em thụ hưởng hằng ngày,
Là công trình vô số những bàn tay,
Chai dấm lại sau những ngày lam lũ?
Trong cơ xưởng, khắp nơi trên hoàn vũ,
Bánh xe quay, máy móc chuyển rầm rầm.
Bao công nhân, ngày hai buổi, âm thầm,
Lo phận sự chu toàn, không mệt mỏi.
Công nhân hỡi! Người anh hùng không tên tuổi!
Nhờ có anh, còi nhà máy vang rền.
Nhờ có anh, nhân loại mãi vươn lên,
Đến tột đỉnh nền văn minh cơ khí.*

Ngọc Luyện

(Nhóm Lửa Việt, Việt ngữ, lớp Bốn)

Hoặc:

*Da mồ hôi tưới nắng đào bóng loáng,
Gân ngoằn ngoèo, cùng năm tháng dẻo dai.
Thớ thịt căng, mọi nét máu chạy dài,
Pho hoạt tượng, hình của người lao động.*

*Còi nhà máy rộn lên, vang sức sống!
Khói tung bay, cuộn cuộn bốc mây xanh.
Tay vung lên, ôm giữ mộng hiền lành,
Tiếng kèn kẹt xoay nhanh vòng xã hội...*

*Những thanh sắt vang lời ca dữ dội,
Tia lửa bùng, hồi hồi sức công nhân.
Đẹp hiền ngang, một sắc đẹp tuyệt trần!
Tô non nước, thêm muôn phần rực rỡ.*

*Người lao công, người là người muôn thuở,
Xây hình hài cho bờ cõi quê hương!
Người lao công! kìa tráng lệ huy hoàng!
Thay tạo hóa điểm trang toàn thế giới...*

Hiệp Nhân

(Tia sáng)

(Hà Mai Anh, Tiểu học quốc văn, lớp Nhất)

Rồi tới tầng lớp dân nghèo thành thị. Không nghề nghiệp nào bị bỏ sót, bị coi thường, miễn nó lương thiện và phục vụ cho con người bằng lương tâm chức nghiệp, từ anh thợ cắt tóc cho tới bác thợ rèn, đều có nét đẹp riêng của người lao động chân chính:

*Trong túp lá bên đường qua xóm chợ,
Tiếng “Băng! Băng!” từng chập dội vang rền:
Bác thợ rèn làm việc, ở ngay bên,
Nào đe, búa, nào than, nào sắt, bễ.
Một đứa bé, ngồi cao trên chiếc ghế,
Rướn thân gầy thụt bễ chẳng khi lơ.
Lò than hồng, hừng hực đỏ, reo vui,
Mưa bụi lửa từng cơn bay tới tấp.
Cứ mỗi lần vươn vai giờ búa đập,
Là một lần thanh sắt ở trên đe,
Lại oằn đi, dưới sức mạnh tràn trề,
Của bắp thịt người cần lao kiên nhẫn.*

Nguyễn Ngọc

(Nhóm Lửa Việt, Việt ngữ, lớp Bốn)

Tuy nhiên, cũng còn có những cảnh đời cơ khổ, bất hạnh, lỡ làng... của bác phu xe, em bé đánh giày, và những trẻ mồ côi..., tất cả đều được miêu tả sinh động như một cách khéo để đánh thức lương tâm và kêu gọi sự quan tâm cũng như tinh thần liên đới trách nhiệm của mọi người trong nỗ lực đấu tranh cho công bằng xã hội:

Bác phu xe:

*Trời mưa như trút nước,
Đường nhựa bóng như gương.*

Gió rung, gào, gió thét,
 Nhìn cây cối mà thương.
 Giờ chỉ còn mấy bác,
 Phu xe cứ chạy đều.
 Chân đạp, tay bẻ lái,
 Gắt lướt gió ngược chiều.
 Dưới trời mưa ướt át,
 Dưới gió rét căm căm.
 Người phu xe cảm thấy,
 Cả thân thể như dần.
 Trong cơn mưa gió đó,
 Ai ngồi ở trong nhà.
 Có để ý nhìn qua,
 Những con người lao khổ.

Theo Xuân Chinh

(Tiểu học nguyệt san, tháng 4/1957)

Em bé đánh giày:

Mai vàng đua nhau nở,
 Báo hiệu xuân về đây.
 Bao nhiêu người vui vẻ,
 Buồn riêng em đánh giày.
 Em xách chiếc thùng cây,
 Mang tám thân ốm gầy,
 Len khắp đường phố chợ,
 Tìm đánh một đôi giày.
 Em lê tám thân tàn,
 Vào các tiệm cao sang,
 Đánh giày ăn qua bữa,
 Thân trẻ sớm cơ hàn.
 Xuân này em lang thang,
 Đi khắp các phố phường,
 Mang quần áo tả tơi,
 Rước xuân bằng đau thương.

Độc Linh

(Tiểu học nguyệt san, tháng 9/1961)

Và những đứa bé mồ côi:

Có những con người đang thời hoa nở,
 Sống trong niềm đau khổ: kiếp lầm than.
 Cặp chân non ngày tháng những lang thang,
 Trên đường phố ngút đầy bao gió bụi.
 Tuổi niên thiếu dật trong ngàn sâu tử,

*Không gia đình, cha mẹ, khát tình yêu.
 Ôi long đong, thân trẻ nhỏ sớm chiều,
 Ngàn cực nhọc cũng chỉ vì cơm áo!
 Tuổi niên thiếu lớn dần trong khổ não,
 Mặt trẻ trung đầy những nét đau thương.
 Sống lắm than, dầu dãi nắng mưa sương,
 Thân còm cõi không đủ đầy nhựa sống.
 Những trẻ ấy dưới bầu trời cao rộng,
 Đưa mắt nhìn thèm khát cảnh yên vui.
 Có chăng ai, chỉ một phút ngậm ngùi,
 Cho thân phận con người xấu số.*

Xuân Chính

(Tiểu học nguyệt san, tháng 3/1959)

Hoặc:

*Hai đứa trẻ
 Trên vỉa hè,
 Dòng đời đã bước lê thê,
 Chúng đi, đi mãi biết về nơi đâu?
 Chúng đã cùng chung một nỗi sầu,
 Khi mùa ly loạn rắc thương đau.
 Gặp nhau trong buổi chiều đông giá,
 Mỗi dải khăn tang, mỗi mái đầu.
 Hôm nay mưa gió lạnh,
 Chúng sát lại gần nhau,
 Hông san hơi thở ấm,
 Cho đỡ lạnh lòng đau.
 Dật dờ trong bóng tối,
 Hai trẻ dắt nhau đi.
 Đêm nay chúng sẽ về đâu nhỉ?
 Hay vẫn bơ vơ kiếp lạc loài!*

H.H.

(Hà Mai Anh, *Tiểu học quốc văn*, lớp Nhất)

Ngoài mấy nội dung liên quan đến việc mô tả các thành phần dân dã trong xã hội, gần một phần ba số bài thơ dùng làm bài học thuộc lòng đã được nhắm vào chủ đề bồi dưỡng cho thế hệ trẻ những tình cảm lành mạnh đối với đất nước mến yêu. Đó là những bài thơ ca ngợi quê hương xứ sở giàu đẹp, qua hình ảnh của con trâu trên đồng lúa, mái tranh vách đất trong xóm nghèo, rồi những con kênh, giếng nước, lũy tre..., các hoạt động xã hội trong làng xã, gợi nên ước mơ về một cuộc sống an cư lạc nghiệp trong cảnh hòa hợp, thanh bình, hạnh phúc:

Quê em nhà cửa liền nhau,
 Mái tranh, mái ngói chen màu xinh xinh.
 Quê em có miếu, có đình,
 Có con sông nhỏ uốn mình trong tre.
 Có đồng có ruộng bao la,
 Nông dân làm lụng hát ca bên đồng.
 Lúa xanh đang trổ đồng đồng,
 Một mùa mơn mớn đẹp lòng dân quê.
 Nương dâu xanh ngắt bốn bề,
 Bắp, mì, khoai, đỗ, lang, mè tốt xanh.
 Sớm hồng trời đẹp trong lành,
 Sương mai rung động trên cành chim ca.
 Vàng son lơ lửng chiều tà,
 Đồng quê thơ mộng bao la xanh rờn.
 Thanh Giang
 (Tiểu học nguyệt san, tháng 10/1958)

Hoặc:

Quê tôi có một con sông,
 Có nương khoai tím, có đồng lúa xanh.
 Bốn mùa gió mát, trăng thanh,
 Bốn mùa lúa tốt, dân lành vui tươi.
 Đó đây vang tiếng nói cười,
 Câu hò, giọng hát của người nông dân.
 Ngày đêm chẳng quản tắm thân,
 Nắng mưa dầu dãi bao lần nào than.
 Mồ hôi đem tưới mùa màng,
 Chân tay xới mảnh đất vàng thân yêu.
 Quê tôi trong ánh nắng chiều,
 Vi vu thoáng tiếng sáo diều nhặt khoan.
 Hàn Giang
 (Nhóm Lửa Việt, Việt ngữ, lớp Bốn)

Hoặc:

Tôi đã đi,
 Từ Cà Mau ra Bến Hải.
 Tôi đã dừng lại,
 Khắp các nẻo đường.
 Nước xanh màu bát ngát đại dương,
 Hay trùng điệp núi rừng cao nguyên đất đỏ.
 Tôi đã qua,
 Khắp các đô thành nguy nga, to nhỏ,

*Bãi biển, đồi thông.
Lúa Hậu Giang bát ngát ngập đồng,
Dừa Bình Định tô xanh miền cát trắng.
Tiểu học nguyệt san
(Nhóm Lửa Việt, Việt ngữ, lớp Bốn)*

Thành phố Huế cổ kính 50-60 năm về trước đã được mô tả sinh động bằng mấy nét chấm phá tiêu biểu, với chùa Thiên Mụ, với sông Hương và núi Ngự Bình, vẽ nên một bức tranh nên thơ, êm đềm tuyệt đẹp:

Huế
*Dưới cảnh sắc chiều vàng bóng ngả,
Thành Huế như bức họa muôn màu.
Xa xa ngọn chuối, tàu cau,
Ngàn thông vì vút, bóng dâu chập chờn.
Cảnh cung điện vàng son chói lọi,
Dải tường thành vời vọi quanh co.
Nguy nga tòa sở nhỏ to,
Nếp xưa bộ viện dư đồ còn nguyên.
Thiên Mụ cổ lánh miền trần tục,
Tắm lãng còn y thức ngựa voi.
Sông Hương đáy hiện khuôn trời,
Ngự Bình lồng bóng giữa vời chon von.
Vũ Huy Chân
(Tiểu học nguyệt san, tháng 8/1960)*

Một trong những nội dung quan trọng xuyên suốt của những bài học thuộc lòng thời kỳ này là bồi dưỡng lòng yêu nước cho thế hệ tiểu học. Yêu nước phải luôn gắn liền với thương dân, còn được thể hiện bằng tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất mỗi khi đất nước bị đe dọa trước hiểm họa xâm lăng từ bên ngoài. Vì thế không ít bài học thuộc lòng đã được dành riêng cho chủ đề lịch sử, nhắc lại những chiến công oanh liệt mà các thế hệ cha ông đã làm nên để bảo vệ tổ quốc. Một số bài như thế có lời lẽ kích động hùng hồn không khác gì những hồi trống trận giục giã. Bài thơ ngắn sau đây đã tóm thuật được cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Bình Định Vương Lê Lợi, đánh đuổi quân Minh xâm lược:

*Bao năm sắm sửa, đợi chờ,
Lam Sơn gióng trống, mở cờ ra binh.
Quyết lòng tận diệt quân Minh,
Giữa hàng tướng tá xưng Bình Định Vương.
Mười năm lặn lội bốn phương,
Gian nan rồi mới lên đường vinh quang.
Trận cuối cùng, ải Chi Lăng,
Vương Thông nộp giáo, Liễu Thăng rơi đầu.*

*Hồ Gươm xanh ngắt một màu,
Tường chừng kiếm quý còn đâu chốn này!*

Bảo Vân

(*Tiểu học nguyệt san*, tháng 3/1958)

Trận cuối cùng ở Chi Lăng năm 1427 kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh 10 năm giành độc lập dân tộc, đã được một tác giả khác diễn lại như một khúc hùng ca:

*Mưu thần một trận ra oai,
Kinh hồn Tống tướng, khiếp tài Nam binh,
Trời Nam yên hưởng thái bình,
Nghìn thu công đức Đại Hành chớ quên.
Ỗ nước mạnh, hiếp dân hèn,
Bắc Nam còn lại lắm phen tranh hùng.
Chi Lăng sau vẫn một vùng,
Là nơi giặc Liễu bước cùng bỏ thân.
Kìa ai mật nếm, gai nằm,
Một thân gánh vác, mười năm dãi dầu.
Tám gương ái quốc còn lâu,
Ngàn năm để cháu con sau học đời.
Có thân phải biết giống nòi,
Rồng Tiên quyết chẳng kém người năm châu?*

Dương Đình Tẩy

(*Tiểu học nguyệt san*, tháng 4/1957)

Và hào khí đó đã luôn được lặp đi lặp lại suốt theo tiến trình lịch sử các cuộc đấu tranh giành độc lập, như một cách để un đúc niềm tự hào dân tộc và ý chí bảo vệ tổ quốc chống xâm lăng cho thế hệ tương lai đất nước. Chủ đề này đã được thể hiện sinh động trong rất nhiều bài thơ học thuộc lòng khác, nhắc lại những chiến công oanh liệt về sau nữa, như bài “Xuân Kỷ Dậu”:

*Băng băng đuốc lửa, rừng gươm giáo,
Khí thế quân Nam nước lũ tràn.
Khuya tối mông năm, liên tiếp sáng,
Hà Hồi thất thủ, Ngọc Hồi tan.
Đoàn quân giải phóng tràn xô đến,
Ngựa thét lừng mây, súng đổ thành.
Sĩ Nghị, nửa đêm quăng ấn tín,
Mình không gươm, giáp, chạy về Thanh.
Một lũ tàn quân theo chủ tướng,
Tranh nhau, cầu đổ, võ cường chinh.
Sông Hồng ngập ngựa thây quân Mãn,
Máu đỏ trôi về tận Bắc Kinh.*

*Cờ Việt thượng lên tầng soái phủ,
Quang Trung dừng ngựa giữa Thăng Long.
Áo bào khói súng pha đen xạm,
Chiến thắng dân, quân: nức một lòng.*

Từ Trầm Lệ

(Bùi Văn Bảo, *Quốc văn toàn tập*, lớp Nhất)

Nhưng trước hết là đời sống, tâm tư, nguyện vọng đẹp đẽ của lứa tuổi học trò khi còn ngồi dưới mái học đường, được lặp đi lặp lại trong suốt đoạn đường tiểu học. Ngoài nội dung khuyến học vốn chiếm một tỷ phần quan trọng, các đức tính, bốn phẩm mà người học sinh cần có trong tương quan với thầy, bạn cũng luôn luôn được nhắc nhở, như trách nhiệm học tập, lòng biết ơn thầy, thái độ xử sự với bạn bè cùng lớp, cùng trường... Và gần gũi nữa là những kỷ niệm tươi vui, êm đềm của tuổi ấu thơ trong “thời cấp sách”:

*Ôi! êm ái là thời đang cấp sách!
Ôi vui tươi là lúc hãy còn thơ!
Đời đẹp đẽ như trong một giấc mơ,
Và thắm đậm như một mùa xuân mới.
Có những lúc hồn nhẹ nhàng phơi phới,
Cũng đôi khi nặng trĩu bởi lo âu.
Nhưng một khi bài đã thuộc lâu lâu,
Lo lắng biến, nhường phần cho vui vẻ.
Rồi những phút đời vô cùng đẹp đẽ,
Hưởng tình trong của bạn hữu thân yêu.
Những truyện vui, rồi những truyện vui theo,
Cứ mau chóng chạy qua cùng ngày tháng.
Những tình cảm nơi học đường xán lạn,
Quên làm sao, tuy dĩ vãng xa xôi?
Vì đó là những kỷ niệm của thời,
Thời cấp sách, thời vô ngần trong sạch.*

Lâm Ngọc Sĩ

(Hà Mai Anh, *Tiểu học quốc văn*, lớp Nhất)

Những cảm xúc tươi vui, hăm hở của “ngày tựu trường”:

*Nô nức hôm nay, buổi tựu trường,
Như chim ríu rít sáng tình sương.
Các em tấp nập ra trường học,
Lê guốc giày vang khắp phố phường.
Nét mặt ngây thơ miệng mỉm cười,
Áo quần mới mẻ đáng vui tươi.
Tay cầm cặp sách đi chân sáo,
Lòng vẫn lâng lâng, mặt sáng ngời.*

*Giữa đám mây xanh hiện mái trường,
Một hồi trống giục đã ngân vang.
Cổng trường mở rộng như chào đón,
Những đám trò em bước vội vàng.*

*Bạn cũ gặp nhau lại nghịch tình,
Vui đùa, cười nói, chuyện tâm tình.
Trời thu mây kéo như thông cảm,
Vội nổi niềm vui của học sinh.*

Vũ Tiến Thu

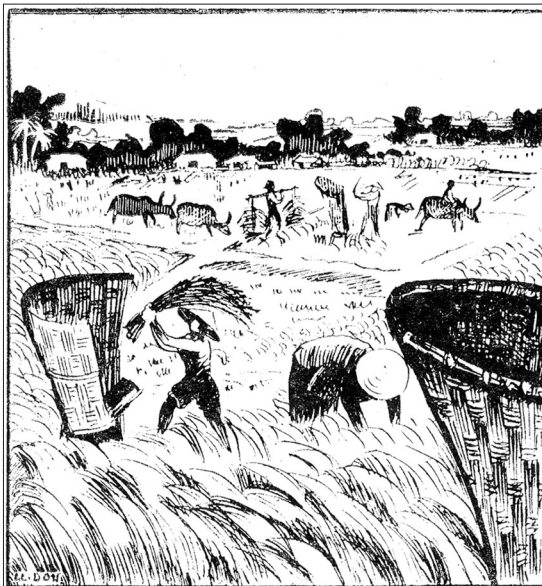
(Tiểu học nguyệt san, tháng 9-10/1959)

Cũng như nổi sung sướng khi buổi học cuối cùng chấm dứt, sắp được bước vào trọn ba tháng nghỉ hè đầy thơ mộng, thời gian để lấy lại sức khỏe và tinh thần chuẩn bị cho năm học mới kế tiếp (chứ không như ngày nay, cứ học suốt!):

*Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã hết,
Đoàn trai non hớn hờ rủ nhau về.
Chín mươi ngày nhảy nhót ở miền quê,
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ!*

*Một nét mặt, trăm tiếng cười rộn rã,
Lời trên môi chen chúc nói nghìn câu.
Chờ đêm nay: sáng sớm bước lên tàu,
Ăn chẳng được, lòng nôn nao khó ngủ.*

*Trong khoảnh khắc, sách bài là giấy cũ,
Nhớ làm chi. Thầy mẹ đợi, em trông.
Trên đường làng, huyết phượng nở thành bông,
Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt.*



Tranh minh họa trong một sách Quốc văn cũ ở miền Nam thời trước

*Kiểm soát kỹ, có khi còn thiếu sót,
Rương chật rồi, khó nhốt cả niềm vui.
Tay bắt tay, hồn không chút bụi ngùi,
Các bạn ơi, trời mai đầy ánh sáng.*

Xuân Tâm

(Lời tim non)

(Tiểu học nguyệt san, tháng 5/1958)

Sự thật, vẫn còn một số nội dung phụ khác có lẽ cũng cần được đánh giá lại cho được khách quan hơn. Nền giáo dục ở miền Nam giai đoạn 1954-1975 dĩ nhiên cũng có chính trị hóa học đường, nhưng tương đối ít. Đặc biệt, trong thời kỳ Đệ nhất Cộng hòa (1955-1963), thỉnh thoảng vẫn bắt gặp ở phân môn Tập đọc-Học thuộc lòng có xen vào mấy bài ca ngợi chế độ Cộng hòa hoặc ca ngợi lãnh tụ (Ngô Tổng thống), chiếm tỷ lệ chừng 1/20 tổng số bài, nhưng chủ yếu chỉ tập trung ở phần cuối sách của lớp cuối cấp tiểu học (lớp Nhất). Tờ *Giáo dục nguyệt san* (1957-1963) do nhà nước chủ trương cố đưa vào một số ít bài có nội dung “chống Cộng” rõ rệt để giới thiệu cho giáo chức sử dụng, nhưng những loại bài như thế lại hầu như không được các nhà biên soạn sách giáo khoa tiểu học đáp ứng để đưa vào sách của mình!

Ngoài ra, do nhận thức-tâm nhìn chung của xã hội lúc bấy giờ còn rất hạn chế về vấn đề bảo vệ môi trường, không tránh được vài sách Quốc văn tiểu học đã “vô tư” đưa vào một số bài học thuộc lòng có nội dung liên quan đến những thú vui (như đá gà, săn bắn...) mà nếu đứng trên quan điểm bảo vệ môi sinh hiện đại thì là không lành mạnh, có thể sẽ mang đến những tác dụng-hiệu quả tiêu cực. Xét riêng về phương diện này, sách giáo khoa môn Văn tiểu học thời kỳ này đã có một bước lùi so với giai đoạn 1940: trong khi ở *Quốc văn giáo khoa thư* (lớp Sơ đẳng) của nhóm Trần Trọng Kim có bài “Không nên phá tổ chim” quá hay (xem *Quốc văn giáo khoa thư*, Tuyển tập, Nxb Trẻ, 1995, tr. 41), thì ở một sách Quốc văn toàn thư lớp Ba nọ, có soạn giả đưa vào chủ đề Săn bắn đến 2 bài tập đọc “Phát súng đầu tiên”, “Một nhà thiện xạ”, 1 bài chính tả “Đuổi chim”, còn 1 bài học thuộc lòng thì là... “Thú đi săn” (ghi tên tác giả Hồng Vân), trong có mấy câu nói theo bây giờ là rất “phản cảm”:

*Vui thay cái thú đi săn!
Núi, rừng lặn lội, băng ngàn vui say!
Khi nhắm cỏ, khi rình nai,
Khi theo dấu cọp, khi gài chú beo.*

.....

*Khi mừng gặp gỡ heo rừng,
Khi vui bắt đặng cặp sừng con gô.*

*Khi mê theo dõi ông bò,
Khi chờ tê giác, khi mơ sư vàng.*

.....

(Phạm Trường Xuân..., *Quốc văn toàn thư*, lớp Ba, quyển II, Nxb Việt Hương, Sài Gòn, 1961, tr. 94).

Trong một xã hội mà còn có ông vua nêu gương xấu cho dân như cựu hoàng Bảo Đại thời đó suốt ngày chỉ biết vui chơi săn bắn, chẳng lo gì đến việc nước, thì việc dạy cho dân chịu từ bỏ cái “thú đi săn” quả là không dễ dàng chút nào!

*

* *

Ngoài một số mặt hạn chế tất nhiên do hoàn cảnh lịch sử cụ thể quy định, sẽ không là quá đáng nếu chúng ta coi những bài học thuộc lòng cấp tiểu học thời bấy giờ đã góp phần rất tốt vào việc hình thành một nền văn chương giáo khoa với nội dung rất phong phú đa dạng, lành mạnh và có tác dụng tích cực trong việc rèn luyện đức-trí cho thế hệ trẻ ở lứa tuổi học trò.

Với những giá trị khách quan nêu trên, thiết nghĩ việc sưu tập-giới thiệu lại một số bài học thuộc lòng cũ rải rác ở các sách trước đây là một việc rất đáng nên làm. Mục đích là để vừa bảo tồn một vốn di sản quý giá đã bị lãng quên, vừa cung cấp cho thế hệ học trò ngày nay những bài thơ hay, mà có một thời anh em thuộc thế hệ chúng tôi đã được hưởng dụng và luôn luôn khắc sâu trong tâm khảm những nội dung đầy hứng thú và bổ ích.

Chiến tranh đã chấm dứt gần bốn mươi năm, thời gian có lẽ khá đủ cho sự lắng dịu của mọi con người ở cả hai bên đối đầu, và vì thế cũng đủ chỗ cho lòng khoan dung có cơ hội nảy nở để vượt qua những rào cản của ý thức hệ, từ đó chịu nhìn lại mọi vấn đề một cách trầm tĩnh và nghiêm túc hơn, trong đó có vấn đề cần xem xét lại sâu hơn-khách quan hơn khía cạnh thuần túy văn hóa, học thuật của những công trình giáo dục có giá trị nhân bản đích thực mà tất cả đều do những con người Việt Nam thiện chí, yêu nước sáng tạo nên...

Trong tình trạng sa sút chung của xã hội về văn hóa-đạo đức như bây giờ, đặc biệt trong giới trẻ học sinh có khá nhiều biểu hiện tiêu cực như chửi thề, đánh đấm hoặc thậm chí đâm giết nhau, không thế thì cũng là những thói đua đòi chạy theo cuộc sống vật chất xa hoa..., việc trở lại một cách có nghiên cứu và chọn lọc với những bài học thuộc lòng có nội dung khích lệ cuộc sống lành mạnh có lẽ là một đề tài quan trọng đáng để cho các nhà giáo dục và phụ huynh suy nghĩ. Trong chiều hướng tích cực đó, không loại trừ khả năng những bài thơ học thuộc lòng nằm trong đồng

sách cũ còn có thể cung cấp thêm phương pháp cũng như tài liệu tham khảo cụ thể hữu ích cho việc biên soạn, cải tiến, tái cấu trúc nội dung các sách giáo khoa tiếng Việt bậc tiểu học mà chúng ta đang nỗ lực tiến hành được một phần khá rõ, cần được phát huy thêm theo chiều hướng “chú trọng giáo dục đạo đức và các giá trị truyền thống” khẳng định trong Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020 đã được Chính phủ phê duyệt hồi giữa tháng 6/2012 vừa rồi.

21/6/2012

T V C

TÓM TẮT

Bài viết điểm qua một số bài học thuộc lòng trong sách giáo khoa Quốc văn cấp tiểu học ở miền Nam trước năm 1975. Theo tác giả, ngoài một số mặt hạn chế tất nhiên do hoàn cảnh lịch sử cụ thể quy định, sẽ không là quá đáng nếu chúng ta xem những bài học thuộc lòng này đã góp phần rất tốt vào việc hình thành một nền văn chương giáo khoa với nội dung rất phong phú đa dạng, lành mạnh và có tác dụng tích cực trong việc rèn luyện đức-trí cho thế hệ trẻ ngay từ cấp tiểu học. Từ đó, tác giả đề nghị nên sưu tập, chọn lọc giới thiệu lại một số bài học thuộc lòng trong các sách Quốc văn cũ. Mục đích vừa để bảo tồn một di sản quý giá đã bị lãng quên, vừa để cung cấp cho học sinh ngày nay những bài thơ hay, làm tăng khả năng cảm thụ văn học để hướng đến một cuộc sống lành mạnh. Ngoài ra, những bài học thuộc lòng trong các sách giáo khoa cũ còn có thể cung cấp thêm về phương pháp sư phạm cũng như tài liệu tham khảo hữu ích cho việc tái cấu trúc chương trình và biên soạn sách giáo khoa mà Nhà nước đã có chủ trương tiến hành trong thời gian tới.

ABSTRACT

TEXTS FOR LEARNING BY HEART, A TYPE OF LITERATURE FOR PRIMARY EDUCATION IN THE SOUTH BEFORE 1975

The article reviews some texts for learning by heart in the literature textbooks for primary education in the South of Vietnam before 1975. According to the author, despite some drawbacks due to historical circumstances, these texts took an important role in contributing to the formation of academic literature with rich, diverse and wholesome contents, and positive effect in fostering moral and mental education for young generation right from primary education. Then, the author recommends collecting and reintroduce some of texts for learning by heart in the old textbooks. The aim is to preserve a precious heritage which has been forgotten, as well as to give students attractive poems in order to enhance their literary sense and lead them to a wholesome life. In addition to the texts for learning by heart in old textbooks, pedagogic method as well as useful references can be provided for the syllabus restructure and textbook compilation that the state has intended to carry out in the near future.